TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỸ HÀO** **TỈNH HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 77/2022/QĐST- HNGĐ	*Mỹ Hào, ngày 31 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO - TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 81/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc " Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu: Chị T Th H, sinh năm: 1990

Địa chỉ: TDP Th, phường D S, thị xã M H, tỉnh HY

Anh Ng Đ C, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Ngõ 111 Tr Kh, xã T Tr, huyện Th Tr, thành phố H N.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Cháu Ng Th Th V, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2014

-Cháu Ng Th Th, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2016

Đại diện theo pháp luật cho cháu Ng Th Th V và cháu Ng Th Th : Chị T Th H,sinh năm: 1990

Đều có địa chỉ: TDP Th, phường D S, thị xã M H, tỉnh HY

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về thẩm quyền: Chị T Th Th H và anh Ng Đ C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D S, huyện M H (nay là Uỷ ban nhân dân phường D S, thị xã M H) vào năm 2013 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị H hiện nay đang cư trú tại thị xã M H; chị H và anh C làm đơn đề nghị Toà án nhân dân thị xã M H công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của đương sự giữa anh,chị. Vì vậy. Toà án nhân dân thị xã M H thụ lý, giải quyết việc dân sự với quan hệ pháp luật là "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thoả thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T Th Th H và anh Ng Đ C chung sống hạnh phúc đến tháng 06 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống nên thống nhất đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh chị cùng thống nhất yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn là tự nguyện nên Toà án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Ng Th Th V, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2014 và cháu Ng Th Th, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2016 ly hôn anh chị đều thoả thuận thống nhất chị T Th Th H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu V va Th đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị thống nhất thoả thuận anh Ng Đ C cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị T Th Th H số tiền 1.000.000đ/ tháng đối với cháu Ng Th Th V và 1.000.000đ/ tháng đối với cháu Ng Th Th .Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2022 đến khi các cháu V và Th thành niên.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom,chăm sóc con chung không ai được cản trở, Thoả thuận trên của anh chị phù hợp quy định tại Điều 55, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Toà án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Anh chị thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Thoả thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Toà án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T Th Th H và anh Ng Đ C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị xác định có 02 con chung là cháu Ng Th Th V, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2014 và cháu Ng Th Th, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2016. Anh chị thoả thuận thống nhất, chị T Th Th H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Ng Th Th V và Ng Th Th đến khi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C và chị H thoả thuận thống nhất anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị H số tiền 1.000.000đ/ tháng đối với cháu Ng Th Th V và 1.000.000đ/ tháng đối với cháu Ng Th Th .Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2022 đến khi các cháu V và Th thành niên.

Anh C có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành số tiền cấp dưỡng sẽ phải chịu lãi suất chậm trả thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị T Th Th H và anh Ng Đ C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị T Th Th H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng . Chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013171 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M H. Chị H đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã M H;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M H;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh H Y;
- UBND phường D S.
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Tuấn Trọng